TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **209**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: ***/2024/TLST-HNGĐ ngày *** tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lê A, sinh năm 1980

Căn cước công dân số: 027080000*** do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày ***/2021

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chị Trịnh B, sinh năm 1982

Căn cước công dân số: 001182000*** do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày ***/2023.

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê A và chị Trịnh B cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Lê A và chị Trịnh B xác nhận anh chị có 03 con chung là cháu Lê E, sinh ngày 15/4/2015; cháu Trịnh F, sinh ngày 05/11/2021 và cháu Lê Trịnh G (tức Phạm G), sinh ngày 08/5/2023. Trong đó, cháu E là con đẻ của anh A và chị B; cháu F và G là con nuôi lần lượt theo Quyết định công nhận con nuôi số 01/2023 ngày 04/4/2023 và Quyết định số 01/2023 ngày 08/6/2023. Sau khi ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao cả 03 cháu là Lê E, Lê Trịnh G và Trịnh F cho mẹ là chị Trịnh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trịnh B số tiền 15.000.000 đ/tháng (Mười lăm triệu đồng/tháng), kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Lê A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Anh Lê A và chị Trịnh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Anh Lê A và chị Trịnh B không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về lệ phí: Anh Lê A và chị Trịnh B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0036*** ngày ***/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thẩm phán

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thu Hường